TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HSST
Ngày: 24-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Quan L.**
2. Bà **Võ Thị T.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Q** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc ĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Văn T (Tên gọi khác: không có), sinh năm 1995; tại Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 03, Tổ 02, ấp Long B, xã Long Thành N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; con ông: Võ Văn P, sinh năm 1972 và bà: Ngô Thanh P, sinh năm 1971; vợ, con: không có.

Tiền án: không có.

Tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2022, tạm giam ngày 26/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị **Đỗ Thị Thiên T,** sinh năm: 1994 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 165, đường Lê Thị H, Khu p, phường Bình C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: Số 275, đường Trần P, ấp Long H, xã Trường T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Quốc T,** sinh năm: 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp Long K, xã Long Thành N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T là nhân viên chạy xe ba gác thuê cho Cửa hàng kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng "Đỗ Tường Vy" có địa chỉ tại số 275 đường Trần Phú, ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (*gọi tắt là Cửa hàng*) do chị Đỗ Thị Thiên T làm chủ. Do thường xuyên cờ bạc và thiếu tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định đột nhập vào Cửa hàng của chị T để tìm T sản lấy trộm. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 30/10/2022, T một mình đi bộ đến Cửa hàng rồi dùng 01 thanh kim loại mang theo sẵn để cạy cửa đột nhập vào bên trong, nhìn thấy chị T đang nằm ngủ. T lén lút đi đến túi xách vải màu xanh được để trên bàn làm việc, mở túi xách lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng của chị T rồi tẩu thoát ra ngoài theo lối cũ.

Với thủ đoạn tương tự, vào ngày 03/11/2022, T tiếp tục đột nhập vào Cửa hàng của chị T lấy trộm số tiền 20.500.000 đồng. Đến ngày 16/11/2022, T tiếp tục cạy cửa để đột nhập vào Cửa hàng của chị T nhưng không mở được cửa phòng ngủ nên T bỏ đi, không trộm được gì. Sau khi sự việc xảy ra, chị T kiểm tra camera thì phát hiện T là người đã lấy trộm tiền nên trình báo Công an xã Trường Tây. Đến ngày 17/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hòa Thành đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Võ Văn T. Qua làm việc, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, số tiền mà T trộm được đã tiêu xài cá nhân và chơi lô tô thua hết.

Ngoài ra, trong quá trình làm việc tại cửa hàng, T biết được Cửa hàng "Đỗ Tường Vy" có cho thuê máy phục vụ xây dựng công trình nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng giữa tháng 10/2022, T đến gặp chị T và nói dối có người cần thuê 02 máy đầm với giá tiền 150.000 đồng/ngày thì chị T đồng ý. Sau khi nhận được 02 máy đầm, T đem đến cửa hàng điện sắt "Quốc T" tại ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do anh Lê Quốc T làm chủ kêu bán nhưng anh T không mua. T nói do cần tiền gấp nên cầm cố 02 máy đầm trên cho anh T với số tiền 4.000.000 đồng thì anh T đồng ý. Với thủ đoạn tương tự trên, ngày 31/10/2022 và ngày 04/11/2022, T tiếp tục thuê của chị T 01 máy đầm với giá tiền là 150.000 đồng/ngày và 01 máy đục bê tông với giá tiền là 200.000/ngày. Sau khi thuê được T sản, T đem 02 máy trên đến cửa hàng Quốc T cầm cố được 4.500.000 đồng, tất cả số tiền có được từ việc cầm cố T sản T đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện 03 máy đầm, 01 máy đục bê tông đã được thu hồi trả lại cho chị T.

* Tại Kết luận định giá T sản số 53, ngày 23/11/2022 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thị xã Hòa Thành, kết luận:

+ 03 máy đầm nhãn hiệu Robin EY 15, đã qua sử dụng, mỗi máy trị giá 3.500.000 đồng.

+ 01 máy đục bê tông nhãn hiệu Total TH215456, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị T sản là 12.000.000 đồng.

* Qua xác minh, T không có T sản nên không tiến hành kê biên.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị Thiên T yêu cầu T bồi thường số tiền 30.500.000 đồng; anh Lê Quốc T yêu cầu T bồi thường số tiền 8.500.000 đồng, hiện T chưa bồi thường.

* Đối với Lê Quốc T cầm cố T sản nhưng không biết T sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.

Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSHT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội "Trộm cắp T sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Trộm cắp T sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

* Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

* Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Văn T trình bày lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hòa Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, T liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được, cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 10/2022 đến ngày 16/11/2022, Võ Văn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 30.500.000 đồng của chị Đỗ Thị Thiên T. Ngoài ra, T đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt 03 máy đầm, 01 máy đục bê tông của chị T với tổng giá trị là 12.000.000 đồng.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu T sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết được hành vi lén lút, gian dối để chiếm đoạt T sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất lười lao động, thích có tiền tiêu xài cá nhân, xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp T sản của chị T tổng cộng 03 lần, trong đó 02 lần trộm số tiền trên 2.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt T sản của chị T 02 lần với số tiền mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên đây là tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.500.000 đồng và anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T số tiền 30.500.000 đồng và đồng ý bồi thường cho anh T số tiền 8.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo do không có T sản.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.1] Đối với 03 (ba) máy đầm và 01 (một) máy đục bê tông, chị T đã nhận lại T sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8.2] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 76E1-161.83, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018372 là T sản thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên hoàn trả lại cho bị cáo.

[8.3] Đối với 01 (một) đoạn sắt tròn loại phi 27, dài 1m17 do bị cáo sử dụng cho việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với anh Lê Quốc T nhận cầm cố T sản nhưng không biết T sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội: "Trộm cắp T sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt T sản".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2022.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đỗ Thị Thiên T số tiền 30.500.000 (Ba mươi triệu năm trăm nghìn) đồng và bồi thường cho anh Lê Quốc T số tiền 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo do không có T sản.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Hoàn trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô gắn biển số 76E1-161.83, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung *LWBPCK204C1020089*, số máy

WH157FMJ-A*12K01325*, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018372.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn sắt tròn loại phi 27, dài 1m17, đã qua sử dụng.

(Tất cả T sản nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đang tạm giữ).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 2.150.000 (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã Hòa Thành;
- Công an thị xã Hòa Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.